

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Quyết định số 434/QĐ-ĐHTĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai được xây dựng và áp dụng từ năm 2013 và được điều chỉnh, rà soát năm 2016 theo quyết định 489/QĐ-ĐHTĐ ngày 08/9/2016 của Trường Đại học Tây Đô đảm bảo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên tham gia chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai được đào tạo các kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành kỹ sư Quản lý đất đai có tư tưởng chính trị vững vàng, kiến thức chuyên môn có thể chịu trách nhiệm làm việc trong lĩnh vực Quản lý đất đai và bất động sản, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành đào tạo: Quản lý đất đai

Tên văn bằng: Kỹ sư Quản lý đất đai

Mã ngành: 7850103

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tây Đô

Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Sinh học ứng dụng

Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp: Kỹ sư

Trình độ: Đại học

Thời gian: 4,0 năm.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

2.1.1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

2.1.2. Tâm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

❖ Kiến thức

a) Kiến thức giáo dục đại cương

G1: Trang bị cho sinh viên kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật đại cương, Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất, các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội theo quy định.

G2: Vận dụng tốt tin học và ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các lĩnh vực chủ đề quen thuộc trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có thể tiếp thu nhanh và xử lý được các phần mềm mới trong công tác

b) Kiến thức về cơ sở ngành

G3: Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật về đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai.

G4: Các kiến thức cơ bản của ngành về thổ nhưỡng, độ phì của đất, đánh giá đất, nông nghiệp sạch, biến đổi khí hậu và quản lý và đánh giá tác động môi trường.

G5: Hiểu biết cơ bản về kỹ thuật và công nghệ của ngành: Trắc địa đại cương, bản đồ địa chính, GIS, viễn thám đại cương và cơ sở dữ liệu địa chính.

c) Kiến thức chuyên ngành

G6: Kiến thức chuyên sâu về định giá đất và bất động sản, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị, quản lý thị trường bất động sản.

G7: Có kiến thức chuyên ngành sâu và thực hành về đo đạc địa chính, viễn thám ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường, hệ thống thông tin đất đai, thiết kế hệ thống thông tin địa chính.

G8: Kiến thức chuyên ngành nghiệp vụ về Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính, Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai, Giao đất, cho thuê và thu hồi đất.

G9: Kiến thức về đất ngập nước, quản lý và đánh giá ô nhiễm đất, bạc màu và bảo vệ đất đai.

G10: Kiến thức chuyên môn thực tế học tập tại các cơ quan địa phương: thực tập thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp, báo cáo chuyên đề.

❖ Kỹ năng

G11: Có khả năng vận dụng thành thạo các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước về lĩnh vực đất đai, trong bộ máy quản lý của Nhà nước về quản lý đất đai từ trung ương đến địa phương.

K7: Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ quan địa phương: thực tập tốt nghiệp, thực tập thực tế ngành quản lý đất đai.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng mềm

S8: Biết kỹ năng nghiên cứu khoa học (khảo sát tài liệu, phân tích, đánh giá, vận dụng các công trình khoa học).

S9: Sử dụng tốt tin học văn phòng, khai thác internet, soạn thảo và lưu trữ văn bản đáp ứng công việc cơ bản. Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (tương đương trình độ TOEIC ≥ 450 điểm) để trao đổi thông tin về các chủ đề thông dụng và đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành đáp ứng yêu cầu công tác.

S10: Ứng xử linh hoạt trong giao tiếp, thuyết trình và đánh giá kết quả chuyên môn của bản thân và đồng nghiệp

3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

S11: Sử dụng thành thạo các phần mềm và máy đo đạc chuyên ngành phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính, xây dựng và biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác, ... phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai.

S12: Thành thạo trong công tác đăng ký đất đai, thống kê, kiểm kê đất đai, thanh tra đất đai, quy hoạch sử dụng đất,...

S13: Có kỹ năng xác định, lựa chọn các giải pháp giải quyết và cải thiện các vấn đề liên quan đến công việc thực tiễn của ngành Quản lý đất đai một cách phù hợp,

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C14: Ý thức trách nhiệm công dân tốt, hết lòng phục vụ tổ quốc, lối sống lành mạnh phù hợp bản sắc dân tộc; Có thái độ cộng tác, khách quan, công bằng trong công việc và cuộc sống;

C15: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả trong bối cảnh thay đổi thường xuyên của công việc cũng như lập kế hoạch điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; không ngừng học tập nâng cao trình độ; Năng động, sáng tạo, sẵn sàng làm việc độc lập, khoa học, tự học hỏi, tìm kiếm, cập nhật sử dụng thông tin trong giải quyết công việc;

Ma trận tích hợp Mục tiêu và CDR của chương trình

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo															
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8	G9	G10	G11	G12	G13	G14	G15	G16
K1	3	2	2	1	1	2	1	2	1	2	3	1	3	2	3	2
K2	3	2	2	2	2	2	2	1	1	2	3	2	2	2	1	2
K3	2	3	3	2	2	4	2	2	2	3	3	2	2	3	2	2

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do trường Đại học Tây Đô quy định sau khi có kết quả thi THPT.

• **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ):**

– **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Tổng điểm cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển.

+ Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tổng điểm của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 16,5 điểm trở lên.

– **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển.

+ **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** tổng điểm của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 16,5 điểm trở lên.

– **Hình thức 3:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 11 và học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

+ Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

+ Điểm trung bình chung cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm môn xét tuyển để lấy kết quả xét tuyển.

+ **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** tổng điểm của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 16,5 điểm trở lên.

5.2. Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

5.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và

Bảng 1: Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar.	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý; Trình diễn mẫu Luyện tập, thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như: Thực tập thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng.
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, sử dụng thiết bị công nghệ...	Mô phỏng, thao tác; Thực tế; Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp.	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Suy nghĩ
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên liên quan.

- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ giảng viên đặc biệt là giảng viên trẻ nhằm trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực giảng viên

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của giảng viên.

- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

7.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần và chuẩn đầu học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần

7.4 Phiếu đánh giá trong chương trình

Phiếu đánh giá và thang điểm chấm khóa luận

STT	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm	Điểm số
1	Hình thức: đúng qui định, không đúng qui định thì trừ điểm	2,0	
2	Nội dung	5,0	
2.1	Lược khảo tài liệu và tài liệu tham khảo	1,0	
2.2	Phương pháp nghiên cứu	1,0	
2.3	Kết quả thảo luận	2,0	
2.4	Kết luận - đề xuất - tóm tắt	1,0	
3	Trình bày báo cáo	2,0	
4	Trả lời câu hỏi	1,0	
	Tổng kết	10,0	

Phiếu đánh giá và thang điểm chấm rèn nghề

TT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Kết quả
1	Nội dung của báo cáo	4,0 đ	
	- Nội dung báo cáo phải phù hợp với mục tiêu, phạm vi rèn nghề.	2,0 đ	
	- Bố cục báo cáo hợp lý, đầy đủ nội dung yêu cầu.	1,0 đ	
	- Phương pháp thực hiện và kết quả đạt được	1,0 đ	
2	Hình thức của báo cáo	2,0 đ	
	- Hình thức trình bày (in ấn, format, hình ảnh..)	0,5 đ	
	- Cách hành văn.	1,0 đ	
	- Đúng chính tả.	0,5 đ	
3	Báo cáo trước Hội đồng	2,0 đ	
	- Bài báo cáo (hình thức, cấu trúc..)	0,5 đ	
	- Tác phong trình bày (tự tin, rõ ràng, mạch lạc..)	0,5 đ	
	- Kinh nghiệm thực tế đạt được.	1,0 đ	
4	Điểm nhận xét của đơn vị đến rèn nghề	2,0 đ	

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
20	0301000957	Đánh giá đất	2	1	1
21	0301001395	Quản lý nhà nước về đất đai	2	2	
22	0301000961	Viễn thám 1	2	1	1
23	0301000962	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	1	2
24	0301000963	Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	1	1
25	0301000964	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2	1	1
26	0301001509	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
27	0301000956	Thống kê đất đai	2	1	1
28	0301001352	Biến đổi khí hậu và thích ứng	2	2	
29	0301000980	Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2	2	
30	0301001344	Thống kê ứng dụng	3	2	1
31	0301000959	Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	2	
TỔNG CỘNG			40	29	11

8.3.2. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
32	0301000965	Đo đạc địa chính	2	2	
33	0301000966	Thực tập đo đạc địa chính	2		2
34	0301001396	Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	2	
35	0301000968	Viễn thám ứng dụng trong địa chính	2	1	1
36	0301000967	Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	3	1	2
37	0301000970	Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị	3	2	1
38	0301000975	Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	2	1	1
39	0301000953	Autocad và Hệ thống định vị toàn cầu GPS	2	1	1
40	0301001040	Quy hoạch sử dụng đất	3	2	1
41	0301000976	Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	3	2	1
42	0301000973	Phân hạng và định giá đất	2	1	1
43	0301000994	TT chuyên ngành (Rèn nghề QLĐĐ)	2		2
44	0301001510	TT thực tế ngành QLĐĐ (TT giáo trình)	2		2
45	0301000949	Tin học ứng dụng (Microsoft SQL Server)	3	3	
46	0301000986	Bạc màu và bảo vệ đất đai	2	2	
47	0301000987	Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai	2	2	
48	0301001505	Anh văn chuyên ngành QLĐĐ	2	2	
49	0301000993	Môi trường và sự phát triển đô thị	2	2	
TỔNG CỘNG			41	26	15

8.3.4. Kiến thức bổ trợ, tự chọn, chuyên sâu của ngành

STT	Mã số	Tên môn học	Chọn	Số TC		
				Tổng	LT	TH

Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	2	3	2	2	2	2	2	3	2	4	2	2	2	2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	4	2	2	2	2
Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	2	3	2	2	2	2	2	3	2	4	2	2	2	2
Tin học căn bản	2	3	2	3	3	2	3	2	2	4	2	2	3	2
Thực hành Tin học căn bản	2	3	2	3	3	2	3	2	2	4	2	2	3	2
Pháp luật đại cương	2	3	2	3	2	3	2	3	2	3	1	2	3	3
Toán cao cấp	2	3	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2	1
Kinh tế học đại cương	2	2	3	3	2	3	2	3	2	3	1	3	3	3
Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	1	2	3	2
Giáo dục Quốc phòng – An ninh	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2
Địa chất	2	2	3	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thổ nhưỡng	2	2	4	3	2	2	2	2	2	2	2	3	2	2
Phi nhiều đất	2	2	4	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2
Luật đất đai	3	2	3	4	3	3	3	3	3	3	2	3	4	3
Hóa Phân tích	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2
Đánh giá đất	3	2	4	3	2	3	3	3	3	2	3	3	3	3
Quản lý nhà nước về đất đai	3	2	3	4	2	3	3	3	3	3	2	3	4	3
Viễn thám 1	2	3	2	2	3	2	2	2	2	3	3	2	2	2
Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	3	2	3	3	2	4	2	2	2	3	3	3	3
Hệ thống thông tin địa lý GIS	2	3	2	3	4	2	3	2	2	3	3	3	3	2
Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2
Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	2	2	2	2	2	4	3	2	2	2	3	3
Thống kê đất đai	3	2	2	4	2	2	3	3	3	2	3	2	4	3
Biến đổi khí hậu và thích ứng	2	2	4	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Quản lý và đánh giá tác động môi trường	2	2	4	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
Thống kê ứng dụng	2	2	3	2	2	2	2	2	3	2	3	2	3	2
Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	2	4	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	2
Đo đạc địa chính	2	2	2	2	3	2	3	2	2	2	3	3	2	2
Thực tập đo đạc địa chính	3	3	2	3	4	3	4	2	3	3	4	2	3	3
Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	3	2	2	4	2	3	3	2	2	3	2	2	3	3
Viễn thám ứng dụng trong địa chính	2	2	3	2	4	2	3	2	2	3	4	3	2	2
Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM	2	3	2	3	4	2	3	2	2	3	4	3	2	2
Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị	2	2	3	2	2	4	2	3	3	3	2	3	4	3
Kiểm kê và chỉnh lý biến động đất đai	3	2	2	4	2	2	4	3	3	3	3	3	4	3
Autocad và Hệ thống định vị toàn cầu GPS	2	3	2	3	4	2	3	2	2	3	3	3	3	2
Quy hoạch sử dụng đất	3	3	3	3	2	4	3	3	3	3	3	3	4	3
Thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai	3	3	2	4	2	2	3	3	3	3	2	2	3	3
Phân hạng và định giá đất	2	2	2	4	2	2	3	3	3	3	3	3	4	2
TT chuyên ngành (Rèn nghề QLDD)	3	3	3	4	3	3	4	3	4	3	3	3	3	3
TT thực tế ngành QLDD (TT giáo trình)	3	3	3	4	3	3	4	3	3	3	3	3	3	3
Tin học ứng dụng (Microsoft SQL Server)	2	3	3	3	4	3	3	2	2	3	3	3	2	2
Bạc màu và bảo vệ đất đai	1	2	4	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1
Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai	2	2	3	3	2	3	3	3	3	2	1	3	4	3
Anh văn chuyên ngành QLDD	1	3	3	2	2	3	3	3	3	4	2	2	2	3
Môi trường và sự phát triển đô thị	2	2	3	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2
Giáo dục thể chất 1 **	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 2 **	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
Giáo dục thể chất 3 **	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3		45	45	
2	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	4	4		60	60	
3	Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	2		30	30	
4	Thổ nhưỡng	3	2	1	45	30	30
5	Luật đất đai	3	3		45	45	
6	Hệ thống thông tin địa lý - GIS	2	1	1	30	15	30
7	Giáo dục thể chất 3	1		1	15		30
8	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	2		30	30	
	Xã hội học đại cương		2			30	
	Logic học đại cương		2			30	
	Tiếng Việt thực hành		2			30	
	Tổng cộng	20	17	3	345	255	90

Học kỳ: 4

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45	45	
2	Phì nhiều đất	3	2	1	45	30	30
3	Môi trường và Quản lý tài nguyên thiên nhiên	2	2		30	30	
4	Quản lý nhà nước về đất đai	2	2		30	30	
5	Viễn thám 1	2	1	1	30	15	30
6	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	1	2	45	15	60
7	Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	2	2		30	30	
8	Tin học ứng dụng (Microsoft SQL Server)	3	3		45	45	
	Tổng cộng	20	16	4	360	240	120

Học kỳ: 5

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
2	Đánh giá đất đai	2	1	1	30	15	30
3	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	2	1	1	30	15	30
4	Thông kê đất đai	2	1	1	30	15	30
5	Thông kê ứng dụng	3	2	1	45	30	30
6	Biến đổi khí hậu và thích ứng	2	2		30	30	
7	Bạc màu và bảo vệ đất đai	2	2		30	30	
8	Viễn thám ứng dụng trong địa chính	2	1	1	30	15	30
9	Autocad và Hệ thống định vị toàn cầu GPS	2	1	1	30	15	30
	Tổng cộng	19	12	7	390	180	210

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin địa chính		1	1		15	30
3	Tiểu luận tốt nghiệp			8	120		240
	Tổng cộng	12			180		

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

10.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (2 tín chỉ)

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1 là phần thứ nhất của học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

10.2. Những nguyên lý cơ bản của Mác – Lênin (3 tín chỉ)

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin học phần 2 là phần thứ hai của học phần Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của học phần gồm 6 chương:

Chương IV, V, VI được trình bày dưới dạng ba học thuyết kinh tế do Mác- Lênin đúc kết từ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong đó, Học thuyết Giá trị thặng dư là “Hòn đá tảng” trong các học thuyết kinh tế của K. Mác. Để hiểu rõ học thuyết này, sinh viên phải nắm vững Học thuyết Giá trị và những quy luật kinh tế trong sự vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản, làm cơ sở cho việc xác định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân trong sự ra đời của phương thức sản xuất mới.

Chương VII, VIII gồm những nguyên lý, lý luận về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa; Chương IX trình bày khái quát về chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng của nó.

Nội dung cốt lõi của Chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và những vấn đề có tính quy luật trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

10.3. Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)

Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.

Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

10.9. Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

10.10. Toán cao cấp (3 tín chỉ)

Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản cũng như ý nghĩa vận dụng khái quát của ma trận và định thức vào việc giải hệ phương trình tuyến tính tổng quát cũng như các mô hình tổng quát trong thực tế. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản cũng như ý nghĩa vận dụng vi tích phân hàm một biến, hàm nhiều biến chẳng hạn như tính gần đúng bằng đạo hàm cấp cao, khảo sát sự biến thiên,... và các mô hình phương trình vi phân trong thực tế.

10.11. Kinh tế học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: (1) các nguyên lý căn bản của cung cầu hàng hóa trong nền kinh tế thị trường, (2) các nguyên tắc tối ưu của người tiêu dùng và người sản xuất, (3) Môn học này cũng cung cấp cách thức vận hành của nền kinh tế trong các thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, độc quyền nhóm (4) Ngoài ra, các vấn đề ở góc độ tổng thể cũng đưa ra nghiên cứu như Tăng trưởng trong Tổng sản lượng, Giá cả, việc làm, lãi suất, các chính sách ổn định của Chính phủ.

10.12. Kinh tế nông nghiệp & Phát triển nông thôn (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức: khái niệm, lý thuyết và các nguyên lý kinh tế ứng dụng trong nông nghiệp, nông thôn, các kỹ năng quản lý nông trại thông qua việc thiết lập mô hình toán học, một số vấn đề phát triển nông thôn liên quan đến phát triển kinh tế sản xuất và tiêu thụ nông sản.

10.13. Giáo dục quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ)

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

10.14. Địa chất (2 tín chỉ)

tích. Cung cấp kiến thức về đánh giá và bảo đảm chất lượng trong phân tích hóa học của phòng thí nghiệm. Ngoài ra, kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm cũng được trang bị.

10.19. Đánh giá đất (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức về đất đai và biết làm thế nào ứng dụng quy trình để xây dựng các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai. Phương pháp đánh giá khả năng thích nghi của đất đai, từ đó làm cơ sở phân chia sử dụng đất đai trong thực tế

10.20. Quản lý nhà nước về đất đai (2 tín chỉ)

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức về công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai; quá trình phát triển về công tác quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ. Hiểu và nắm vững 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai.

10.21. Viễn thám I(2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lịch sử ngành viễn thám, tìm hiểu về nguyên tắc hoạt động của các vệ tinh viễn thám khác nhau, ứng dụng của viễn thám ở các lĩnh vực, phân biệt các loại ảnh viễn thám, không ảnh, quá trình thành lập bản đồ bằng không ảnh, công tác đoán đọc điều vẽ không ảnh ở ngoại nghiệp, phương pháp xây dựng chìa khóa giải đoán và giải đoán ảnh bằng mắt thường.

10.22. Kỹ thuật bản đồ địa chính (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bản đồ, giải quyết toàn bộ lí luận về bản đồ (toán bản đồ, hệ thống ngôn ngữ, tư liệu bản đồ, thiết kế và xuất bản...) và cả phương pháp chung cho việc thành lập và sử dụng bản đồ sao cho ngày một sâu rộng và hiệu quả. Nắm được cơ sở toán học bản đồ địa chính, quy phạm thành lập bản đồ địa chính, chính lý biến động thành lập hồ sơ thửa đất phục vụ cập nhật hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

10.23. Hệ thống thông tin địa lý và định vị toàn cầu -GIS) (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về thành phần, các chức năng của một hệ thống thông tin địa lý (GIS), kỹ năng về xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu địa lý, các chức năng phân tích dữ liệu không gian cũng như phi không gian, quá trình xây dựng và biên tập bản đồ chuyên đề trên một phần mềm GIS, trắc địa vệ tinh, tổ chức đo, xử lý số liệu GPS. Một số ứng dụng của GIS - GPS trong trắc địa và quản lý tài nguyên thiên nhiên.

10.24. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu; quản lý người dùng trên hệ quản trị SQL Server; phương pháp tổ chức dữ liệu quản lý hồ sơ địa chính trên SQL Server; lý thuyết về xuất nhập dữ liệu ViLIS qua mạng máy tính.

10.25. Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng thực tế về nghiệp vụ quản lý đất đai, đo đạc lập bản đồ địa chính; cách thức tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn; tự tổ chức xây dựng kế hoạch và thực hiện các công việc thuộc chuyên môn quản lý đất đai đã học như đo đạc lập bản đồ địa chính; lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quản lý các biến động đất đai; lập hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất và tổ chức thực hiện các công việc đó ở thực tế; thanh tra đất đai, giải quyết các khiếu tố về đất đai...

10.32. Thực tập đo đạc địa chính (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đo đạc: định hướng, các thiết bị đo; phương pháp đo góc, đo chiều dài, đo cao; phương pháp đo vẽ thành lập các loại bản đồ; xây dựng được lưới khống chế mặt bằng, độ cao ở cấp đo vẽ chi tiết.

10.33. Thiết lập, lưu trữ & quản lý hồ sơ địa chính (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về công tác lưu trữ: các khái niệm của công tác lưu trữ nói chung và những nghiệp vụ cơ bản của công tác lưu trữ tư liệu địa chính như: Thu thập, bổ sung, phân loại tư liệu địa chính; xác định giá trị tư liệu lưu trữ; lập hồ sơ, thống kê và báo cáo tư liệu lưu trữ; sắp xếp tư liệu; lập công cụ tra cứu, bảo quản tư liệu lưu trữ địa chính.

10.34. Viễn thám ứng dụng trong địa chính (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về viễn thám: khái niệm, mục đích và nội dung chủ yếu của viễn thám và các phương pháp xử lý ảnh viễn thám: tăng cường chất lượng ảnh, nắn chỉnh hình học, xử lý ảnh và đánh giá độ chính xác sau phân loại... Đặc biệt là sử dụng phần mềm ENVI để phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.

10.35. Quản lý thông tin đất đai LIS/LIM (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hệ thống quản lý thông tin đất đai, các cấu trúc cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất. Giới thiệu những đối tượng liên quan đến công tác quản lý đất đai, những phương pháp và kỹ thuật hiện đại được áp dụng trong quản lý đất đai. Đây là cơ sở hỗ trợ cho quốc gia, cơ quan địa chính các cấp, các ngành liên quan,... có nhu cầu quản lý, về thông tin đất đai giúp chọn lựa những kỹ thuật thích hợp, đánh giá được lợi ích của thông tin trong mối liên quan mật thiết giữa kỹ thuật và quản lý.

10.36. Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị (3 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phân bố dân cư và nguồn lao động, cải tạo và phát triển mạng lưới dân cư, hạ tầng kỹ thuật, môi trường để làm cơ sở quy hoạch và phát triển điểm dân cư, đô thị. Nguyên lý thiết kế quy hoạch đô thị, quy định chi tiết liên quan đến cảnh quan không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị nhằm giúp người học nắm vững quy định pháp luật liên quan đến công tác quản lý, quy hoạch đô thị.

đai, do đặc địa chính, quản lý cơ sở dữ liệu đất đai,... ở tại địa bàn xã, phường, thị trấn; địa bàn huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoặc tại các cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ thực hiện các công việc chuyên môn có liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai.

10.43. Thực tập thực tế ngành QLDD (TT giáo trình) (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, khả năng tiếp cận về sự thay đổi một số loại đất chính, đất ngập nước, địa hình, địa mạo, sự thay đổi về kiểu sử dụng đất, hệ sinh thái thực vật theo các vùng sinh thái khác nhau từ ĐBSCL, đất đỏ Miền Đông và vùng Ven Biển. Tìm hiểu về hệ thống canh tác, nguồn tài nguyên thiên nhiên tại mỗi địa phương. Nhận biết về sự quy hoạch phát triển đô thị - đô thị mới, kiến trúc cảnh quan đô thị tại các tỉnh, thành phố lớn và thành phố Biển (TP. du lịch). Quản lý bất động sản ở các thành phố du lịch. Hệ nông nghiệp công nghệ cao vùng đồng bằng và đồi núi. Phân biệt sự khác nhau về cách thức quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên đất đai, chính sách đất đai tại các đơn vị.

10.44. Tin học ứng dụng (Microsoft SQL Server) (3tín chỉ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và nâng cao về hệ quản trị CSDL MS Access trên môi trường Windows; sinh viên được làm quen với các đối tượng: Bảng (Table), Truy vấn (Query), Mẫu biểu (Form), Báo biểu (Report), Macro và Lập trình trong Access, rất cần thiết cho sinh viên để giải hầu hết các bài toán thường gặp trong quản lý, thống kê, kế toán.

10.45. Bạc màu và bảo vệ đất đai (2 tín chỉ)

Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức hiểu biết các tiến trình bạc màu đất, kiến thức về các kiểu bạc màu đất quan trọng nhất, phân biệt các loại hình bạc màu đất khác nhau và biết đánh giá, quản lý tốt tài nguyên đất đai; công tác đánh giá mức độ bạc màu đất, từ đó đề xuất biện pháp phục hồi những vùng đất bị bạc màu, giúp quy hoạch sử dụng đất và phân bổ nguồn tài nguyên đất hợp lý.

10.46. Phương pháp PRA trong điều tra kiểm kê đất đai (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tiến trình tham gia của cộng đồng trong công tác thu thập thông tin, phân tích thông tin và khả năng ứng dụng phương pháp PRA trong các hoạt động công tác như đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và môi trường của đất đai đối với việc phân hạng giá trị của đất đai để vận dụng vào công tác quy hoạch, quản lý đất đai.

10.47. Anh văn chuyên ngành QLDD (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức thuật ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai, giúp sinh viên hiểu biết các thuật ngữ chính thường sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành, tạo tiền đề, giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu, dịch được các tài liệu anh văn chuyên ngành.

10.48. Môi trường và sự phát triển đô thị (2 tín chỉ)

nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

10.51. Giáo dục thể chất 3 (1 tín chỉ)

Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2: Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2:

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

10.52. Văn bản và lưu trữ học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.

10.53. Xã hội học đại cương (2 tín chỉ)

Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.

10.54. Logic học đại cương (2 tín chỉ)

Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn;

Học phần bao gồm những khái niệm cơ bản về môi trường, sinh thái, cơ sở về khoa học khí hậu và thiên tai. Phân tích tình hình biến đổi khí hậu trên thế giới và Việt Nam, bao gồm các tác động, cách thích nghi và cách ứng phó.

10.62. Hệ sinh thái nông nghiệp (2 tín chỉ)

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ sinh thái nông nghiệp, các tính chất, thuộc tính và cấu trúc của hệ sinh thái nông nghiệp. Phân tích HSTNN thông qua khảo sát không gian, thời gian, quan hệ và quyết định. Cách đặt câu hỏi để đưa ra các giả thuyết nghiên cứu và thực hiện các thí nghiệm trong phòng và ngoài đồng để kiểm chứng giả thuyết; phát triển kết quả sản xuất thử ra thực tế. Phân tích giản đồ Venn để tìm hiểu các quan hệ trong quản lý sản xuất và hành chính tại nơi nghiên cứu hệ sinh thái nông nghiệp. Các mô hình hệ sinh thái nông nghiệp bền vững. Phương thức tổng hợp và cách tổ chức hội thảo trình bày các kết quả cho các bên có liên quan.

10.63. Hệ sinh thái đất ngập nước (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm cơ bản về hệ sinh thái đất ngập nước; phân biệt giữa hệ sinh thái ngập nước và các hệ sinh thái khác, hiểu được các tính chất thủy văn, địa - sinh - hoá học trong đất, tính đa dạng sinh học của đất ngập nước. Vấn đề phân loại đất ngập nước trên thế giới và ở Việt Nam, giới thiệu hệ thống phân loại đất ngập nước áp dụng cho Việt Nam. Vai trò quan trọng của hệ sinh thái đất ngập nước trong việc duy trì, bảo vệ môi trường và đời sống của con người. Các đặc điểm cơ bản của đất ngập nước; Việt Nam bao gồm sự phân bố, chức năng và giá trị, đa dạng sinh học, các đe dọa đến sự phát triển bền vững đất ngập nước Việt Nam. Vấn đề phát triển bền vững đất ngập nước Việt Nam, quy hoạch phát triển bền vững đất ngập nước Việt Nam.

10.64. Nông nghiệp sạch & bền vững (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề sản phẩm nông nghiệp sạch và quy trình sản xuất để đảm bảo được chất lượng của sản phẩm, bảo vệ môi trường; nhận biết được sự thiếu các chất dinh dưỡng đối với cây trồng, giải thích được các yếu tố về dưỡng chất trong đất cây đã hạn chế năng suất cây trồng và các biện pháp khắc phục.

10.65. Quản lý dự án đầu tư (2 tín chỉ)

Học phần quản lý dự án đầu tư nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và quản lý dự án. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản lý dự án, quản lý phân phối nguồn lực trong dự án, quản lý dự án trong môi trường thay đổi

10.66. Quản lý & phân tích thị trường bất động sản (2 tín chỉ)

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bất động sản (BDS) và thị trường BDS; kinh doanh BDS: nhà, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất, dịch vụ BDS, các loại BDS và điều kiện để BDS được đưa vào kinh doanh, môi giới BDS, sản giao dịch BDS,

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số lượng sinh viên lựa chọn học phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, bao gồm chọn 2 tín chỉ học phần khoa học xã hội, chọn 8 tín chỉ các học phần chuyên ngành và học thêm 4 tín chỉ và làm tiểu luận tốt nghiệp nếu sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Sinh học ứng dụng sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Sinh học ứng dụng sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện chương trình chi tiết đã được duyệt.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 7 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG P. ĐÀO TẠO

TRƯỜNG KHOA



Trần Long Luận

Vê Phú - Nguyễn Hải

Nguyễn Văn Bá